

Bản án số: 152/2021/HS-ST

Ngày: 17/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Ông Võ Văn Phi

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ H Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2021/TLST-HSST ngày 11 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2021/HSST-QĐ ngày 23/02/2021, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hải N.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Sinh năm 1989 tại Hà Nội.

Nơi đăng ký HKTT: tổ 9, khu phố 4B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú : 27/L5, tổ 34, khu phố 5A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: lớp 10/12. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không. Con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1961 (còn sống). Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất, có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2020, đến ngày 12/8/2020 được Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đoàn Mạnh Tr.** Tên gọi khác: không. Giới tính: N.

Sinh năm 1984 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: tổ 34, khu phố 3A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không. Con ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1958 (còn sống) và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1962 (còn sống). Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất, có 02 vợ: vợ 1 là Mai Thu Ng (sinh năm 1991- đã chết) và có 01 con sinh năm 2011, vợ 02 là Phạm Thị Thu (sinh năm 1994) và có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2020, đến ngày 12/8/2020 được Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Trọng V.** Tên gọi khác: không. Giới tính: N.

Sinh năm 2001 tại Thanh Hóa.

Nơi đăng ký HKTT: 03/118, Phan Bội Châu, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: 27/L5, tổ 34, khu phố 5A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: lớp 10/12. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không. Con ông Lê Tr Kh, sinh năm 1975 (còn sống) và bà Hoàng Thị Vân Ph - Sinh năm 1979 (còn sống). Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2020, đến ngày 12/8/2020 được Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị A, sinh năm 1965; địa chỉ: 75D/34B, khu phố 5, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1965; địa chỉ: 54/33, khu phố 5, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3. Ông Đặng Vũ Kh, sinh năm 1996; địa chỉ: B6, tổ 1, khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

4. Ông Bùi Thanh L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 11, khu phố 4C, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

5. Ông Khổng Minh Th, sinh năm 1985; địa chỉ: 40/92, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 23, khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

7. Bà Phan Thị Hải Y, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 9, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2019, Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr đến thành phố Biên Hòa thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi với hình thức thu tiền trả góp hàng ngày (trả cả lãi và gốc) hoặc thu tiền lãi theo ngày. Để tìm người vay tiền, N và Tr in số điện thoại trên tờ rơi rồi đi phát hoặc dán ở những nơi đông người qua lại. Khi những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc qua số điện thoại ghi trên tờ rơi thì sẽ gặp N hoặc Tr và được hướng dẫn về việc cho vay tiền, số tiền khách thực nhận, tiền phí hồ sơ, số tiền góp hàng ngày và số ngày trả góp với mức lãi suất từ 14,20% đến 62,50%/tháng. Đến tháng 02/2020, N thuê Lê Trọng V cùng tham gia hoạt động cho vay, giúp N đi thu tiền của người vay hàng ngày. N cùng đồng phạm thu tiền phí làm hồ sơ là 05% trên tổng số tiền vay (nhưng cũng tùy từng người vay mà có một số trường hợp các đối tượng thu tiền phí 10% và cũng có trường hợp thu tiền phí thấp hơn 5% hoặc không thu tiền phí hồ sơ). Ngoài ra, cũng tùy trường hợp người vay mà các đối tượng yêu cầu đóng trước tiền lãi và tiền trả góp 01 ngày, 02 ngày hoặc không cần đóng trước. Nếu người vay tiền đồng ý vay thì N và Tr sẽ đi đến nhà người vay tiền để xác minh điều kiện, hoàn cảnh của người vay như: sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân hoặc nhà ở, tài sản... rồi N sẽ lưu lại thông tin vào máy điện thoại và cho vay tiền mà không cần viết giấy vay mượn. N, Tr và V cho vay tiền và tính tiền lãi với cách thức như sau:

- Trường hợp vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì số tiền người vay phải trả là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày; người vay phải trả tiền phí hồ sơ 05% là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), đóng trước tiền trả góp 01 ngày đầu tiên là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên người vay chỉ nhận được 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và phải trả góp thêm 24 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thì số tiền người vay phải trả là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi

ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày; người vay phải trả tiền phí hồ sơ 05% là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), đóng trước tiền góp 01 ngày đầu là 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) nên người vay chỉ nhận được 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và phải trả góp thêm 24 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thì số tiền người vay phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong 25 ngày; người vay phải trả tiền phí hồ sơ 05% là 1.000.000đ (Một triệu đồng), đóng trước tiền góp 01 ngày đầu là 1.000.000đ (Một triệu đồng), nên người vay chỉ nhận được 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và phải trả góp thêm 24 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp người vay theo hình thức trả lãi hàng ngày (vay đúng) thì tùy số tiền cho vay mà N và đồng phạm thỏa thuận mức tiền lãi theo ngày từ 30% đến 45,92%/tháng và không giới hạn thời gian trả tiền gốc, hàng ngày người vay chỉ đóng tiền lãi theo mức đã thỏa thuận mà không cần trả tiền gốc. Khi nào người vay thanh toán tiền gốc thì xem như đã trả xong khoản vay.

Ngoài ra, nếu người vay chưa trả hết tiền của lần vay trước mà muốn vay tiếp thì khi cho vay N sẽ trừ luôn số tiền người vay chưa trả của lần vay trước vào số tiền cho vay của lần vay mới nên người vay chỉ nhận được số tiền còn lại và coi như lần vay trước đã trả xong.

Từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2020, Nguyễn Hải N và Đoàn mạnh Tr mỗi người đã bỏ ra số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để cho nhiều người trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác định Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V đã thu lợi bất chính của 07 người vay tiền trong 24 lần cho vay, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 15/3/2019 ngày 15/3/2020, cho bà Nguyễn Thị T, ngụ tại tổ 23, khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa vay tiền 16 lần với 02 hình thức, cụ thể:

** Cho vay với hình thức thu tiền trả góp hàng ngày (trả cả lãi và gốc):*

- Lần 1: Ngày 15/3/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), bà T phải trả tiền phí hồ sơ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nên số tiền bà T được nhận là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng); tổng số tiền bà T phải trả là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Nhưng đến ngày 26/3/2019, bà T đã vay lần thứ 02, N đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay 1 vào số tiền của lần vay thứ 2 và xem như đã trả xong số tiền 7.200.000đ, nên lãi suất thực tế của lần vay này là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp

pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 12 ngày (từ 15/3/2019 đến 26/3/2019) là 38.076đ (*Ba mươi tám nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng*). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.200.000đ + 300.000đ = 1.461.924đ$ (Một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng).

- Lần 2: Ngày 26/3/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng), do phải thanh toán số tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền bà T được nhận là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng); tổng số tiền bà T phải trả là 11.250.000đ (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 125.250đ (Một trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $2.250.000đ - 125.250đ = 2.124.750đ$ (Hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Lần 03: Ngày 24/5/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bà T được nhận 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tổng số tiền bà T phải trả là 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Nhưng đến ngày 10/6/2019, bà T đã vay lần thứ 04, N đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay này, nên lãi suất thực tế là 41,67%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 18 ngày (từ 24/5/2019 đến 10/6/2019) là 150.300đ (Một trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $3.750.000đ - 150.300đ = 3.599.700đ$ (Ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

- Lần 4: Ngày 10/6/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), do phải thanh toán số tiền còn thiếu của lần vay 03 nên số tiền bà T được nhận là 9.000.000đ (Chín triệu đồng); tổng số tiền bà T phải trả là 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 208.750đ (Hai trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $3.750.000đ - 208.750đ = 3.541.250đ$ (Ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Lần 5: Ngày 11/8/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), bà T được nhận 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và tổng số tiền bà T phải trả là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Nhưng đến ngày 29/8/2019 bà T đã vay lần thứ 06, N đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 39,47%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 19 ngày

(từ 11/8/2019 đến 29/8/2019) là 84.613đ (Tám mươi bốn nghìn sáu trăm mười ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - 84.613đ = 1.915.387đ$ (Một triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

- Lần 06: Ngày 29/8/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), do phải thanh toán số tiền còn thiếu của lần vay 05 nên số tiền bà T được nhận là 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng); tổng số tiền bà T phải trả là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 194.833đ (Một trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $3.500.000đ - 194.833đ = 3.305.167đ$ (Ba triệu ba trăm lẻ năm nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

- Lần 07: Ngày 02/9/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), bà T được nhận 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và tổng số tiền bà T phải trả là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 83.500đ (Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.500.000đ - 83.500đ = 1.416.500đ$ (Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

- Lần 08: Ngày 03/10/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà T được nhận 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Nhưng đến ngày 21/10/2019 bà T đã vay lần thứ 09, N đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay này, nên lãi suất thực tế là 39,47%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 19 ngày (từ 03/10/2019 đến 21/10/2019) là 211.533đ (Hai trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $5.000.000đ - 211.533đ = 4.788.467đ$ (Bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

- Lần 09: Ngày 21/10/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), do phải thanh toán số tiền còn thiếu của lần vay 08 nên số tiền bà T được nhận là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng); tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 278.333đ (Hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính là $5.000.000đ - 278.333đ = 4.721.667đ$ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Lần 10: Ngày 26/11/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà T được nhận 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và

tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Nhưng đến ngày 07/12/2019 bà T đã vay lần thứ 11, N đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay này, nên lãi suất thực tế là 62,50%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 12 ngày (từ 26/11/2019 đến 07/12/2019) là 133.600đ (Một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là: $5.000.000đ - 133.600đ = 4.866.400đ$ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

- Lần 11: Ngày 07/12/2019, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà T được nhận 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 278.333đ (Hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là: $5.000.000đ - 278.333đ = 4.721.667đ$ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Lần 12: Ngày 29/01/2020, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà T được nhận 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 30%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 278.333đ (Hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là: $5.000.000đ - 278.333đ = 4.721.667đ$ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

** Cho vay với hình thức thu tiền lãi theo ngày (vay đúng):*

- Lần 01: Tháng 9/2019 (không rõ ngày), cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà T được nhận 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 36%/tháng. Bà T đã đóng tiền lãi được 40 ngày với số tiền là 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) thì trả xong số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 40 ngày là 222.666đ (Hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $4.800.000đ - 222.666đ = 4.577.334đ$ (Bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Lần 02: Tháng 11/2019 (không rõ ngày), cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà T được nhận 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 36%/tháng. Bà T đã đóng tiền lãi được 60 ngày với số tiền là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) thì trả xong số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức

1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 60 ngày là 334.000đ (Ba trăm ba mươi bốn nghìn). Số tiền thu lợi bất chính là: $7.200.000đ - 334.000đ = 6.866.000đ$ (Sáu triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn).

- Lần 03: Ngày 01/3/2020, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà T được nhận 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 36%/tháng. Bà T đã đóng tiền lãi được 15 ngày với số tiền là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và chưa trả số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 15 ngày là 83.500đ (Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.800.000đ - 83.500đ = 1.716.500đ$ (Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

- Lần 04: Ngày 15/3/2020, cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà T được nhận 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 36%/tháng. Bà T đã đóng tiền lãi được 15 ngày với số tiền là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và chưa trả số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 15 ngày là 83.500đ (Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.800.000đ - 83.500đ = 1.716.500đ$ (Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

2. Ngày 23/3/2020, cho bà Nguyễn Thị Thuý H, ngụ tại 54/33, khu phố 5, phường H, thành phố Biên Hoà vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với hình thức thu tiền lãi hàng ngày, bà H được nhận 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 36%/tháng. Bà H đóng tiền lãi được 90 ngày thì N giảm tiền lãi xuống còn 100.000đ/ngày (tương đương với lãi suất 30%/tháng); Tổng số tiền lãi bà H đã trả cho N và đồng phạm là trong 129 ngày là 14.700.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng); số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bà H chưa trả. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 129 ngày là 718.100đ (Bảy trăm mười tám nghìn một trăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $14.700.000đ - 718.100đ = 13.981.900đ$ (Mười ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm đồng).

3. Ngày 02/6/2020, cho bà Bùi Thị A, ngụ tại 75D/34B, khu phố 5, phường H, thành phố Biên Hoà vay số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) với hình thức thu tiền lãi hàng ngày, bà H được nhận 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 30%/tháng. Bà A đã đóng tiền lãi được 61 ngày với số tiền là 4.270.000đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) và chưa trả số tiền gốc 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 61 ngày là 237.696đ (Hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $4.270.000đ - 237.696đ = 4.032.304đ$ (Bốn triệu không trăm ba mươi hai nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

4. Cho anh *Bùi Thanh L*, ngụ tại tổ 11, khu phố 4C, phường T, thành phố Biên Hòa vay 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 12/6/2020, cho anh *Bùi Thanh L* vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), anh L phải trả tiền phí hồ sơ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền anh L được nhận là 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng); tổng số tiền anh L phải trả là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 31,25%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 25 ngày là 66.800đ (Sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $(1.250.000đ + 200.000đ) - 66.800đ = 1.383.200đ$ (Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Lần 02: Ngày 12/7/2020, cho anh *Bùi Thanh L* vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với cách thức và lãi suất tương tự lần 01. Anh L mới đóng tiền trả góp được 22 ngày với số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì N và đồng phạm bị Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ, nên lãi suất thực tế là 14,20%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 22 ngày là 58.784đ (Năm mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là $(500.000đ + 200.000đ) - 58.784đ = 641.216đ$ (Sáu trăm bốn mươi một nghìn hai trăm mười sáu đồng).

5. Ngày 07/6/2020, cho anh *Đặng Vũ Kh*, ngụ tại B6, tổ 1, khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hòa vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), anh Kh phải trả tiền phí hồ sơ 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền anh Kh được nhận là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); tổng số tiền anh Kh phải trả là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 31,25%/tháng. Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2020 anh Kh đã trả xong nên lãi suất thực tế là 59,52%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 14 ngày (từ ngày 07/6/2020 đến ngày 20/6/2020) là 35.070đ (Ba mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $(1.250.000đ + 500.000đ) - 35.070đ = 1.714.930đ$ (Một triệu bảy trăm mười bốn nghìn chín trăm ba mươi đồng).

6. Cho anh *Khổng Minh Th*, ngụ tại 40/92, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Tháng 8/2019 (không rõ ngày), cho anh *Khổng Minh Th* vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với hình thức thu tiền lãi hàng ngày, anh Th phải trả tiền phí hồ sơ 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền lãi trước 02 ngày là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) nên chỉ nhận được 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và phải trả tiền lãi mỗi ngày là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Anh Th đóng tiền lãi được 231 ngày với số tiền là 10.650.000đ và chưa trả số tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương

ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 213 ngày là 563.207đ (Năm trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm lẻ bảy đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $(10.650.000đ + 250.000đ) - 563.207đ = 10.336.793đ$ (Mười triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm chín ba đồng).

Lần 2: Tháng 3/2020 anh Th tiếp tục vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với cách thức và lãi suất như lần 01. Anh Th đã đóng tiền lãi được 150 ngày với số tiền là 7.500.000đ và chưa trả số tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 150 ngày là 396.625đ (Ba trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm hai lăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $(7.500.000đ + 250.000đ) - 396.625đ = 7.353.375đ$ (Bảy triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm bảy lăm đồng).

7. Ngày 22/7/2020, cho chị Phan Thị Hải Y, ngụ tại tổ 9, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với hình thức thu tiền lãi hàng ngày, chị Y phải trả tiền phí hồ sơ 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và đóng tiền lãi trước 05 ngày là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nên số tiền chị Y được nhận là 4.525.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị Y phải trả tiền lãi mỗi ngày là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 45,92%/tháng. Tổng số tiền lãi chị Y đã đóng của 16 ngày là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà N và đồng phạm được hưởng trong 16 ngày là 43.642đ (Bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $(1.200.000đ + 100.000đ) - 43.642đ = 1.256.358đ$ (Một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

Khoảng 17 giờ ngày 02/8/2020, Nguyễn Hải N đến thu tiền lãi của bà Nguyễn Thị T thì bị Tổ công tác của Đội CA sát kinh tế Công an thành phố Biên Hòa phát hiện và mời về làm việc. Ngày 03/8/2020, Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã bắt, tạm giữ Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V để điều tra, xử lý.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V đã cho 07 người vay tiền trong 24 lần vay với lãi suất từ 14,20%/tháng đến 62,50%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan CA sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã điều tra làm rõ được 07 người vay tiền của N và đồng phạm, với tổng số tiền cho vay (tiền gốc) là 260.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng); tổng số tiền phí hồ sơ N và đồng phạm thu được của người vay là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và số tiền lãi các bị cáo đã thu được là 99.870.000đ (Chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.909.044đ (Bốn triệu chín trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng), tiền lãi vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 94.960.956đ (Chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn

chín trăm năm mươi sáu đồng); Số tiền thu lợi bất chính của 07 người vay nêu trên là: 94.960.956đ + 1.800.000đ = 96.760.956đ (Chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

** Vật chứng của vụ án:*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số Imei 356720081379755 của Nguyễn Hải N sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số Imei 35327207983079 của Đoàn Mạnh Tr sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX, số Imei 35311210344856 của Lê Tr V sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi;

** Về trách nhiệm dân sự:* Những người vay tiền đều không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá 20% lãi suất quy định theo pháp luật.

Tại cáo trạng số 54/CT-VKSBH ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng số 2458/QĐ-VKSBH ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Tr V về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Hải N từ: 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; Phạt bổ sung bị cáo từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ.

- Đoàn Mạnh Tr từ: 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ; Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ.

- Lê Trọng V từ: 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

** Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr phải nộp lại số tiền 148.000.000 đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc 05 người vay tiền của các bị cáo Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr, cụ thể: bà Nguyễn Thị T phải nộp lại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Bùi Thị A phải nộp lại 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông Khổng Minh Th phải nộp lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà Phan Thị Hải Y phải nộp lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng); đây là số tiền 05 người vay chưa trả cho các bị cáo là phương tiện của các bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V phải nộp lại số tiền 4.909.044đ (Bốn triệu chín trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số Imei: 356720081379755, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số Imei: 35327207983079, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX, số Imei: 35311210344856 là phương tiện các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Tr V sử dụng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: do những người vay tiền không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá 20% lãi suất theo quy định pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V không có ý kiến bào chữa, tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị A, bà Nguyễn Thị Thúy H, ông Khổng Minh Th, bà Phan Thị Hải Y, ông Đặng V Kh và ông Bùi Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt trên không A hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét thấy, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Từ tháng 03/2019 đến tháng 8/2020, các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V đã thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi, cụ thể đã cho 07 người vay tiền, gồm: bà Nguyễn Thị T (16 lần), bà Nguyễn Thị Thúy H (01 lần), bà Bùi Thị A (01 lần), ông Bùi Thanh L (02 lần), ông Đặng V Kh (01 lần), ông Khổng Minh Th (02 lần) và bà Phan Thị Hải Y (01 lần). Tổng số tiền các bị cáo đã cho 07 người vay (tiền gốc) là 260.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Việc các bị cáo cho vay tiền lấy lãi với 02 hình thức là: Thu tiền trả góp hàng ngày (trả cả lãi và gốc) với mức lãi suất từ 14,20%/tháng đến 62,50%/tháng (*tương đương từ 170,4% đến 750%/năm*) hoặc thu tiền lãi theo ngày (cho vay tiền đứng) với mức lãi suất từ 30% đến 45,92%/tháng (*tương đương từ 360% đến 551%/năm*).

Mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không được quá 20%/ năm của khoản tiền vay...*”. Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tương đương là 100%/năm). Như vậy, mức lãi suất các bị cáo cho những người vay như đã nêu trên là vượt quá rất nhiều lần so với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã xác định được, tổng số tiền Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V đã thu lợi bất chính là 96.760.956đ (Chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là: 4.909.044đ (*Bốn triệu chín trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*).

Xét thấy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Tr V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, A hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, nhưng vì mục đích lợi nhuận, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Bị cáo Nguyễn Hải N là người khởi xướng, trực tiếp điều hành và thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, có vai trò chính trong vụ án; bị cáo Đoàn Mạnh Tr cũng tham gia trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và được hưởng lợi từ hoạt động cho vay lãi nặng nhưng vai trò thấp hơn bị cáo N; bị cáo Lê Trọng V là người giúp sức tích cực cho N và Tr thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tính chất mức độ tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân từng bị cáo để áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V đều không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm Tr nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan H của pháp luật.

[6] Về quyết định hình phạt:

Xét thấy, tội phạm các bị cáo thực hiện là ít nghiêm Tr, các bị cáo đều đã bị tạm giam một thời gian nhất định từ khi phát hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính đối với các bị cáo, để tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo bản thân, tiếp tục lao động, học tập tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo.

Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V đều không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xét thấy cần thiết phạt bổ sung đối với bị cáo N và bị cáo Tr, mỗi bị cáo một số tiền thích hợp để nộp vào ngân sách nhà nước, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này.

[7] Đối với một số người khác vay tiền của các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V hiện chưa xác minh được nhân thân lai lịch, kiến nghị Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần xử lý như sau:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số Imei 356720081379755 của Nguyễn Hải N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số Imei 35327207983079 của Đoàn Mạnh Tr và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX, số Imei 35311210344856 của Lê Trọng V sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Đối với số tiền gốc 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) các bị cáo Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr đã cho 07 người vay là phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có số tiền 52.000.000đ của 05 người vay hiện nay chưa trả cho các bị cáo. Do vậy, cần truy thu của 05 người vay, gồm: bà Nguyễn Thị T phải nộp lại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Bùi Thị A phải nộp lại 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông Khổng Minh Th phải nộp lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà Phan Thị Hải Y phải nộp lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền gốc còn lại $(260.000.000đ - 52.000.000đ) = 208.000.000đ$ cần buộc các bị cáo Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr phải nộp lại số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr, mỗi bị cáo phải giao nộp là 104.000.000đ (Một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc chỉ buộc các bị cáo Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr phải nộp lại số tiền gốc 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng) là không chính xác với số liệu đã thống kê về số tiền gốc mà các bị cáo đã cho 07 người vay theo số lần cho vay như trên. Xét thấy, đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa không phù hợp, nên không được chấp nhận.

- Đối với số tiền 96.760.956đ (Chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Xét thấy, đây là số tiền thu lợi bất chính của người vay, theo quy định thì các bị cáo phải trả lại cho những người vay tiền, tuy nhiên những người vay không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền này, nên không xem xét giải quyết.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc của 07 người vay, tổng cộng là: 4.909.044đ (Bốn triệu chín trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng). Xét thấy, số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ

hoạt động tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong xã hội, cần tịch thu khoản tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước. Do đó, cần buộc các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V phải giao nộp lại số tiền 4.909.044đ (Bốn triệu chín trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể, Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V, mỗi bị cáo phải giao nộp số tiền 1.636.348đ (Một triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp một phần với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V** phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- *Xử phạt*: bị cáo **Nguyễn Hải N 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 03/8/2020 đến ngày 12/8/2020) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- *Xử phạt*: bị cáo **Đoàn Mạnh Tr 02 (Hai) năm** cải tạo không giam giữ. Thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 03/8/2020 đến ngày 12/8/2020) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- *Xử phạt*: bị cáo **Lê Trọng V 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 03/8/2020 đến ngày 12/8/2020) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V cho Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hải N 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Mạnh Tr 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số Imei 356720081379755 của Nguyễn Hải N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số Imei 35327207983079 của Đoàn Mạnh Tr và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX, số Imei 35311210344856 của Lê Trọng V.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Buộc Nguyễn Hải N và Đoàn Mạnh Tr, mỗi bị cáo phải giao nộp số tiền là: $(104.000.000 + 1.636.348đ) = 105.636.348đ$ (*Một trăm lẻ năm triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn tám đồng*), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Lê Trọng V phải giao nộp số tiền là 1.636.348đ (*Một triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn tám đồng*), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của 05 người vay tiền, gồm: bà Nguyễn Thị T phải nộp lại 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), bà Bùi Thị A phải nộp lại 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp lại 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), ông Khổng Minh Th phải nộp lại 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), bà Phan Thị Hải Y phải nộp lại 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hải N, Đoàn Mạnh Tr và Lê Trọng V, mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng